

Bản án số: 63/2024/HS-ST

Ngày: 27-02-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2024/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức M, sinh năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ là Ngô Thị N và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị bắt tạm giam ngày 09 tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: Số: H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn N1, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: số H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Hoàng K, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: Hẻm I, đường C, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: Thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Chị Ngô Thị N, sinh năm 2004; địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người chứng kiến: Anh Đinh Đức V, sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: số H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân bị cáo Nguyễn Đức M làm công nhân của Công ty T1 tại Khu công nghiệp H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, do thiếu tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo đã nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản của người dân để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Khoảng 05 giờ 50 phút ngày 09/8/2023, bị cáo chở anh Trần Hoàng K đi làm bằng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter biển số 67L2 – 483.85 của anh K, trên đường đi bị cáo hỏi anh K mượn xe để đi mượn tiền trả nợ thì anh K đồng ý. Sau khi chở K đến Công ty, bị cáo điều khiển xe chạy từ Đồng Nai sang Bình Dương để tìm tài sản nhằm chiếm đoạt. Đến khoảng 07 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến tuyến đường ĐT743 thì bị cáo nhìn thấy tiệm V2” tại địa chỉ số H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, đang mở cửa nên bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS Max màu gold loại 64 GB gắn sim số 0397.166.505 của bị cáo nhấn tin vào số điện thoại 0944.823.135 của mẹ ruột bị cáo là bà Lê Thị T với nội dung “Xiu con gọi con hỏi bên nào má chỉ cần nói để má xem rồi đừng nói j nữa nha”. Nhắn tin xong bị cáo điều khiển xe quay lại tiệm vàng “Phúc K”, bị cáo dựng xe song song với mặt đường rồi đi vào bên trong tiệm vàng gặp chị Bùi Thị H là chủ tiệm đang đứng bán hàng, bị cáo hỏi xem lắc vàng tầm giá 25 - 26 triệu đồng thì chị H lấy ra 01 chiếc lắc bằng vàng 18K kiểu hàng rào, trọng lượng khoảng 7.256 chỉ, đưa cho bị cáo xem. Trong lúc xem bị cáo mở điện thoại nhắn tin với bà T, bà T hỏi bị cáo “Đi vay chỗ nào” (do trước đó bị cáo có hỏi vay tiền của bà T nhưng không có tiền), bị cáo trả lời “Kê con đi, giờ con gọi má kêu đầu quay má xem nha”. Tiếp đó bị cáo nói chị H đưa thêm 01 chiếc lắc bằng vàng 18K kiểu hàng rào, trọng lượng khoảng 6.27 chỉ đeo vào tay giả vờ xem và gọi điện thoại cho bà T nói “nè” rồi bà T nói “đầu quay xem” rồi bị cáo tắt máy. Lúc này, nhân lúc chị H đứng bên trong tiệm không để ý, bị cáo chiếm đoạt 02 chiếc lắc vàng rồi nhanh chóng chạy ra chỗ dựng xe mô tô dựng sẵn trước đó, bị cáo lên xe đề nổ máy tẩu thoát. Chị H thấy vậy liền chạy ra tri hô, kéo giữ xe bị cáo lại xe chạy được khoảng 2 - 3 mét thì anh Đinh Đức V cùng người dân xung quanh chạy tới hỗ trợ cùng chị H bắt giữ được bị cáo rồi trình báo lực lượng công an phường T, đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật đưa bị cáo về trụ sở Công an phường làm việc. Qua làm việc bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Công an phường T tiến hành lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 5648/KL-KTHS, ngày 07/09/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 23,5130 gam (ký hiệu: M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V1 (Au). Hàm lượng Vàng: 81,15%.

+ 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 27,2072 gam (ký hiệu: M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V1 (Au). Hàm lượng Vàng: 78,86%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 198/BBĐG-HĐGDTS, ngày 16/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D kết luận:

+ 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 6.27 chỉ, trị giá 27.234.150 đồng.

+ 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 7.256 chỉ, trị giá 31.527.320 đồng.

Ngày 18/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với bị cáo để điều tra về tội “Cướp giật tài sản” điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cáo trạng số: 55/CT-VKS-DA ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 6.27 chỉ và 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 7.256 chỉ. Ngày 05/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bị hại.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, biển số: 67L2-483.85 (số khung: RLCUG1010LY252425; số máy: G3D4E1023458) là tài sản của anh Trần Hoàng K, việc bị cáo mượn xe dùng làm phương tiện phạm tội, anh K không biết. Ngày 05/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh K.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu gold loại 64 GB gắn sim số 0397.166.505 là phương tiện bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ chiếc điện thoại và tiêu hủy sim số.

- Đối với bà Lê Thị T có nói “đâu quay xem” bà T chỉ nghĩ là bị cáo đi mượn tiền, không biết việc bị cáo nhờ để phục vụ cho mục đích chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý đối với bà T.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại có yêu cầu vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N1, anh K có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đồng thời, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N1, anh K không có ý kiến gì đối với Bản kết luận điều tra, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và Cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại chị Bùi Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn N1, anh Trần Hoàng K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Căn cứ vào các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại tiệm V2” có địa chỉ nêu trên, bị cáo đã có hành vi giả vờ vào mua vàng rồi chiếm đoạt 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 6.27 chỉ, trị giá 27.234.150 đồng và 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 7.256 chỉ, trị giá 31.527.320 đồng của bị hại chị Bùi Thị H rồi nhanh chóng ra xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, biển số: 67L2-483.85 tẩu thoát. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 58.770.470 đồng. Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số: 55/CT-VKS-DA ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với việc bà Lê Thị T có nói “đâu quay xem” và bà T chỉ nghĩ là bị cáo đi mượn tiền, không biết việc bị cáo nhờ để phục vụ cho mục đích chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý đối với bà T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 10 năm tù. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội một cách cố ý vì không có tiền trả nợ nên bị cáo mới nảy sinh ý đồ cưỡng đoạt tài sản và ý đồ này bị cáo không có chuẩn bị từ trước mà chỉ trong nhất thời không làm chủ bản thân mình nên đã có hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo ngoài việc xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để bị cáo tự cải tạo sau này không vi phạm nữa, cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 6.27 chỉ và 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 7.256 chỉ là tài sản của bị hại nên cần phải trả lại cho bị hại.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, biển số: 67L2-483.85 (số khung: RLCUG1010LY252425; số máy: G3D4E1023458) là tài sản của anh Trần Hoàng K, việc bị cáo mượn xe dùng làm phương tiện phạm tội, anh K không biết nên cần trả lại cho anh K.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu gold loại 64 GB gắn sim số 0397.166.505 là tài sản của bị cáo và là phương tiện bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ chiếc điện thoại và tiêu hủy sim số.

[9] Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đủ để giáo dục, răn đe, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[10] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử đã quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Về mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc nên hội đồng xét xử quyết định hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 8 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Bùi Thị H 01 (một) lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 6.27 chỉ và 01 lắc tay vàng 18k, có trọng lượng 7.256 chỉ. Ngày 05/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị H.

Trả lại cho anh Trần Hoàng K 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, biển số: 67L2-483.85 (số khung: RLCUG1010LY252425; số máy:

G3D4E1023458). Ngày 05/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh K.

- Tịch thu sung công quỹ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu gold loại 64 GB và tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại số 0397.166.505 của bị cáo Nguyễn Đức M.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Đức M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, chị Ngô Thị N có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt anh Trần Văn N1, anh Trần Hoàng K tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------------|---|
| - Bị cáo; | 1 |
| - VKSND TP Dĩ An; | 1 |
| - Công an TP Dĩ An; | 2 |
| - Trại tạm giam CA tỉnh BD; | 1 |
| - Chi cục THADS TP Dĩ An; | 1 |
| - TAND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Sở tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú; | 1 |
| - Phòng PV 06 CA tỉnh BD; | 1 |
| - Phòng PC 10 CA tỉnh BD; | 2 |
| - Lưu: VT, HSVA. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

